

Số: 4924/QĐ-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Trưởng Khoa Địa lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai (định hướng ứng dụng), mã số chuyên ngành đào tạo: 8850103.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa Địa lý, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT, HĐH06.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành theo Quyết định số 4924/QĐ-ĐHKHTN ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
MÃ SỐ: 8850103
ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: Land Management
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: Land Management
- Mã số ngành/chuyên ngành: 8850103
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Land Management

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai có tư cách đạo đức chuẩn mực, phẩm chất chính trị tốt, có trình độ học vấn vững vàng về lý luận khoa học quản lý đất đai, có kiến thức về công nghệ hiện đại, có khả năng chủ động triển khai những nhiệm vụ thực tiễn cả ở tầm vĩ mô và vi mô ở lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, có năng lực nghiên cứu khoa học chuyên ngành và liên ngành.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức: Học viên được trang bị và lĩnh hội những kiến thức cơ bản, hiện đại về khoa học quản lý đất đai, công nghệ trong quản lý đất đai, tổng hợp kiến thức liên ngành cho hoạt động chuyên môn và khả năng ứng dụng của chúng trong các lĩnh

vực thực tiễn về quản lý Nhà nước về đất đai và thông tin tư liệu đất đai. Học viên được trang bị kiến thức quan sát thực địa, tổng hợp và phân tích thực tế về quản lý đất đai và công nghệ thông tin tại các cơ quan, tổ chức. Học viên có khả năng phân tích, đánh giá thực trạng, từ đó giải quyết được vấn đề thực tiễn trong quản lý đất đai.

- *Về kỹ năng*: Học viên được trang bị kỹ năng phối, kết hợp các công cụ quản lý, ứng dụng thành thạo quy định của pháp luật vào thực tiễn; được đào tạo kỹ năng thu thập dữ liệu, phân tích, xây dựng cơ sở dữ liệu và vận hành hệ thống thông tin đất đai; làm việc linh hoạt, tư duy sáng tạo, có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi của đất nước.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm*: Rèn luyện tính tự chủ, chủ động trong học tập và nghiên cứu; làm việc cầu thị, chuyên nghiệp, tôn chỉ theo pháp luật và có trách nhiệm cao; có ý thức phổ biến lĩnh vực quản lý đất đai đến cộng đồng.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN).

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQGHN; hoặc xét tuyển theo quy định của Trường ĐHKHTN (gồm 2 nội dung: xét hồ sơ và phỏng vấn).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

- *Điều kiện văn bằng*:

Thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

- *Điều kiện về ngoại ngữ*:

Có văn bằng, chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được ĐHQGHN công nhận, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Quy định cụ thể điều kiện ngoại ngữ áp dụng trong thông báo tuyển sinh sau đại học của Nhà trường.

- *Kinh nghiệm công tác*: Không bắt buộc.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

- *Danh mục các ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức*:

Quản lý đất đai; Địa chính; Quản lý phát triển đô thị và bất động sản; Địa lý tự nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường.

- *Danh mục các ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức*:

Địa lý học; Bản đồ học; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Khoa học thông tin địa không gian; Bất động sản; Khoa học đất; Khoa học môi trường; Công nghệ môi

trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Môi trường và phát triển bền vững; Địa chất học; Địa kỹ thuật - Địa môi trường; Kỹ thuật địa chất; Khí tượng học; Thủy văn học; Hải dương học; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Quản lý đô thị thông minh và bền vững; Quản lý xây dựng; Kinh tế tài nguyên; Kinh tế tài nguyên môi trường.

Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác: Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức của chương trình đại học thì phải hoàn thành các học phần bổ sung trước khi dự tuyển. Số tín chỉ và học phần cần bổ sung kiến thức do đơn vị đào tạo quyết định tùy thuộc vào bảng điểm hệ đại học của người dự tuyển. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức cụ thể như sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Cơ sở và lịch sử quản lý đất đai	4
2	Pháp luật đất đai	2
3	Xử lý số liệu đo đạc	3
4	Đo đạc địa chính và ứng dụng tin học trong xây dựng bản đồ	4
5	Đăng ký đất đai và hồ sơ địa chính	3
6	Đánh giá đất và quy hoạch sử dụng đất đai	4
7	Thổ nhượng và bản đồ thổ nhượng	2
8	Quản lý tài chính đất đai	2
9	Quản lý thị trường bất động sản	2
10	Hệ thống thông tin đất đai	3
11	Trắc địa ảnh và công nghệ ảnh số	3
12	Địa lý học	3
	Tổng	35

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Dự kiến quy mô tuyển sinh: từ 20 - 40 học viên/năm.

quy

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (PK-Program Knowledge)

PK1. Áp dụng được các kiến thức liên ngành về công nghệ, viễn thám, tài nguyên và môi trường trong hoạt động chuyên môn về quản lý đất đai.

PK2. Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về pháp luật, quy hoạch, kinh tế, hành chính trong quản lý đất đai.

PK3. Tổng hợp, phân tích thực tiễn, thực tế về pháp luật, quy hoạch, kinh tế, hành chính, công nghệ trong quản lý đất đai.

PK4. Đánh giá được thực trạng quản lý, sử dụng đất và đề xuất được giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề nghiên cứu có tư duy khoa học và lôgic.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (PS-Program Skill)

PS1. Phối hợp các công cụ quy hoạch, pháp luật, kinh tế và công nghệ trong phân tích, tổng hợp, lập kế hoạch và triển khai giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý đất đai.

PS2. Vận dụng thành thạo các quy định pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai.

PS3. Sử dụng thành thạo các công nghệ hiện đại trong thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu về đất đai đáp ứng yêu cầu công việc.

PS4. Sử dụng tư duy sáng tạo, dẫn dắt vấn đề, bình luận, thuyết trình trước công chúng.

PS5. Sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp, phục vụ chuyên môn đạt chuẩn bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PS6. Linh hoạt làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tổ chức hoạt động nhóm và phát triển nhóm làm việc, tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (PR-Program Responsibility)

PR1. Tự chủ trong học tập và nghiên cứu, đưa ra sáng kiến giải quyết vấn đề, bảo vệ quan điểm cá nhân và đưa ra kết luận trong lĩnh vực chuyên môn; sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể.

PR2. Sẵn sàng cầu thị, tiếp thu ý kiến của người khác để cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đất đai.

quach

PR3. Tác phong làm việc chuyên nghiệp; giữ vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các hoạt động về quản lý đất đai, tuân thủ các chủ trương, chính sách của tổ chức; trách nhiệm cao với cộng đồng và xã hội.

PR4. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức trong lĩnh vực quản lý đất đai đã học đến cộng đồng và vận dụng giải quyết các vấn đề xã hội.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp: học viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, cán bộ địa chính cấp xã), trong các công ty nhà nước và tư nhân về lĩnh vực quản lý đất đai.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai, định hướng ứng dụng có đủ trình độ chuyên môn và năng lực để tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ về lĩnh vực quản lý đất đai ở trong và ngoài nước.

scub

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	62 tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung:	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42 tín chỉ
+ Bắt buộc:	21 tín chỉ
+ Tự chọn:	21/54 tín chỉ
- Thực tập:	6 tín chỉ
- Đề án tốt nghiệp:	6 tín chỉ

Cách tính tín chỉ và giờ học tập trong chương trình đào tạo:

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

- Đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 15 giờ lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành hoặc 90 giờ tự học.

- Giờ học tập của mỗi học phần được chia thành 3 loại:

+ Lý thuyết: mỗi giờ lý thuyết trên lớp cần có 2 giờ tự học.

+ Thực hành: bao gồm các hoạt động thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận... Mỗi 2 giờ thực hành cần có 1 giờ tự học.

+ Tự học: giờ tự học bao gồm các giờ tự học cho hoạt động học lý thuyết, học thực hành, thực tập, tự nghiên cứu, thực hiện ôn tập và kiểm tra đánh giá. Tổng số giờ tự học của học phần được tính bằng công thức:

$$\text{Số tín chỉ} \times 50 - \text{Số giờ lý thuyết} - \text{Số giờ thực hành}$$

- Mỗi giờ học tập được tính trong thời gian 50 phút.

duy

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1		Khối kiến thức chung	8				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	3	42	6	102	
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SĐH) <i>English B2</i>	5	40	60	150	
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42				
II.1.		Các học phần bắt buộc	21				
3	GEO5246	Hệ thống quản lý đất đai <i>Land Administration System</i>	3	25	40	85	
4	GEO5247	GIS trong quản lý đất đai <i>GIS for Land Administration</i>	3	30	30	90	
5	GEO5248	Hệ thống chính sách và pháp luật đất đai Việt Nam <i>Land Policy and Land Law System of Vietnam</i>	3	25	40	85	
6	GEO5249	Kinh tế đất đai và thị trường bất động sản <i>Economics and Real Estate Market</i>	3	18	42	90	
7	GEO5100	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai <i>Land Use Dispute, Appeal and Accusation</i>	3	25	40	85	
8	GEO5101	Quản lý thông tin đất đai và môi trường <i>Land and Environmental Information Management</i>	3	18	36	96	
9	GEO5102	Công nghệ GPS trong đo đạc địa chính <i>GPS Technology in Land Surveying</i>	3	35	20	95	
II.2		Các học phần tự chọn	21/54				
10	GEO5210	Tiếng Anh học thuật <i>English For Academic Purposes</i>	3	25	30	95	
11	GEO5103	Đánh giá và quy hoạch sử dụng đất bền vững <i>Land Evaluation and Land Use Planning For Sustainable Development</i>	3	25	40	85	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
12	GEO5104	Những vấn đề sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên đất <i>Problems of Rational Use and Protection of Land Resources</i>	3	25	40	85	
13	GEO5105	Chính sách tài chính cho phát triển thị trường bất động sản <i>Financial Policy for Real Estate Market Development</i>	3	21	36	93	
14	GEO5106	Viễn thám ứng dụng cho Khoa học Trái đất <i>Applied Remote Sensing For Earth Sciences</i>	3	18	42	90	
15	GEO5107	Công nghệ địa không gian trong quản lý đất đai <i>Geospatial Technology For Land Administration</i>	3	39	12	99	
16	GEO5203	Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững <i>Natural Resources, Environment and Sustainable Development</i>	3	30	30	90	
17	GEO5219	Quy hoạch vùng và tổ chức lãnh thổ <i>Regional Planning and Territorial Organization</i>	3	30	30	90	
18	GEO5108	Định giá bất động sản <i>Real Estate Valuation</i>	3	18	42	90	
19	GEO5233	Hệ thống địa chính hiện đại <i>Modern Land Administration System</i>	3	36	18	96	
20	GEO5110	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai <i>Development of Land Databases</i>	3	30	30	90	GEO5247
21	GEO5111	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai <i>Modernisation of Land Registration System</i>	3	25	40	85	
22	GEO5112	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất <i>Prediction Model For Land Use Planning</i>	3	25	40	85	GEO5103
23	GEO5113	Quy hoạch phát triển và Quản lý sử dụng đất đô thị <i>Planning Development and Urban Land Use Management</i>	3	18	36	96	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
24	GEO5114	Công nghệ ảnh số trong thu thập thông tin về đất đai <i>Application of Digital Photogrammetry in Land Data Acquisition</i>	3	35	20	95	
25	GEO5115	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững <i>Sustainable Utilization and Management of Agricultural Land</i>	3	25	40	85	
26	GEO5116	Quản lý sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu <i>Land Use Management in The Context of Climate Change</i>	3	24	32	94	
27	GEO5117	Giám sát hoạt động quản lý và sử dụng đất <i>Monitoring Land Management and Land Use</i>	3	30	30	90	
III		Thực tập, thực tế	6				
28	GEO5118	Thực tập, thực tế 1 <i>Field Trip 1</i>	3	5	80	65	
29	GEO5119	Thực tập, thực tế 2 <i>Field Trip 2</i>	3	5	80	65	
IV		Học phần tốt nghiệp	6				
30	GEO5902	Đề án tốt nghiệp <i>Thesis</i>	6	5	0	295	
		Tổng cộng	62				

Handwritten signature and a red circular stamp with the letters 'H' and 'V' are located in the bottom right corner of the page.